

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM CHỈ HUY
ĐIỀU HÀNH PHÒNG,
CHỐNG DỊCH COVID-19
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

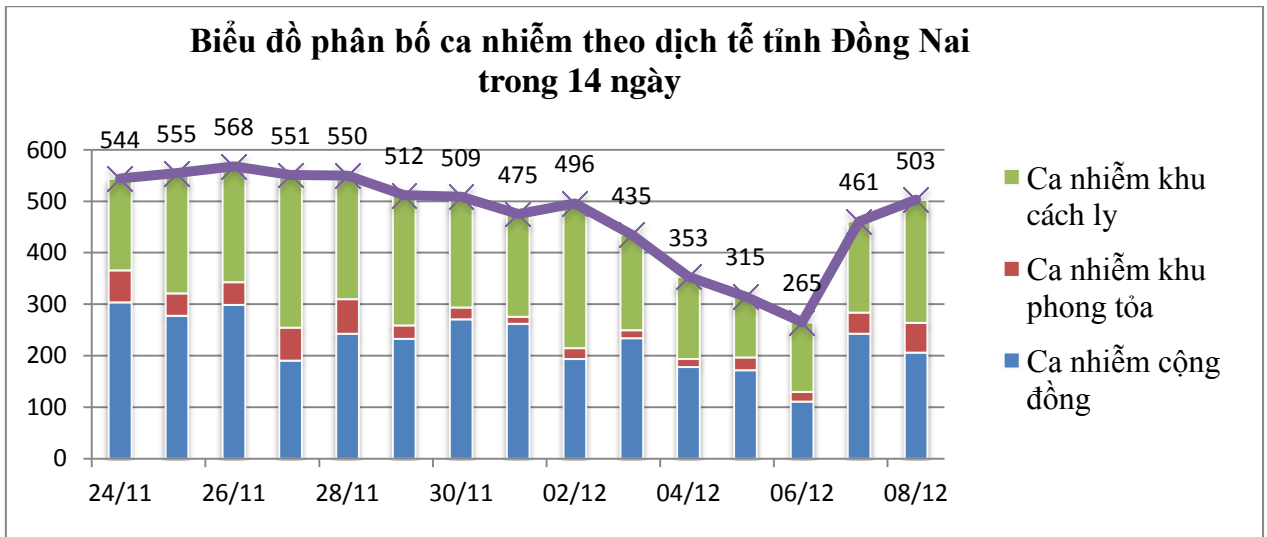
Số: 10322/BC-TTCH

Đồng Nai, ngày 09 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO NGÀY
Công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
Đến 22h00 ngày 08/12/2021

I. Tình hình dịch bệnh (Từ ngày 27/4/2021 đến nay)

TT	Địa phương	Số ca mắc mới trong ngày								Số F1	Số F2	Lũy kế ca bệnh
		Tổng cộng	Sàng lọc tại cơ sở y tế	Số ca trong khu CLTT	Số ca trong khu phong tỏa	Sàng lọc cộng đồng						
						Tổng	Trong đó					
							Cộng đồng	Khu nhà trọ	Doanh nghiệp			
1	Biên Hòa	352	147	205	0	0	0	0	0	211	0	39.716
2	Nhon Trạch	20	5	15	0	0	0	0	0	-	-	18.415
3	Vĩnh Cửu	14	10	2	2	0	0	0	0	195	0	13.034
4	Trảng Bom	41	24	17	0	0	0	0	0	420	0	8.899
5	Long Thành	39	0	0	39	0	0	0	0	-	-	3.527
6	Thống Nhất	12	6	0	6	0	0	0	0	16	0	1.760
7	Xuân Lộc	0	0	0	0	0	0	0	0	-	-	1.343
8	Long Khánh	12	11	0	1	0	0	0	0	245	1	1.215
9	Định Quán	0	0	0	0	0	0	0	0	-	-	1.078
10	Tân Phú	13	3	0	10	0	0	0	0	-	-	904
11	Cẩm Mỹ	0	0	0	0	0	0	0	0	125	35	767
12	Ngoại tỉnh	0	0	0	0	0	0	0	0	-	-	403
Tổng số		503	206	239	58	0	0	0	0	1212	36	91.061



- F0 cộng đồng: trong ngày phát sinh 206 ca (giảm 15,2%) so với hôm qua, lũy kế trong 07 ngày là 1.338 ca, cụ thể như sau:

- **Biên Hòa:** ghi nhận 147 ca ngụ tại An Bình (05), An Hòa (03), Bình Đa (01), Bửu Hòa (02), Bửu Long (02), Hiệp Hòa (02), Hóa An (01), Hòa Bình (02), Hồ Nai (09), Long Bình (28), Phước Tân (07), Quang Vinh (04), Quyết Thắng (03), Tam Hiệp (01), Tam Hòa (04), Tam Phước (06), Tân Biên (05), Tân Hạnh (03), Tân Hiệp (14), Tân Hòa (02), Tân Mai (06), Tân Phong (11), Tân Tiến (01), Tân Vạn (01), Thanh Bình (01), Thống Nhất (07), Trảng Dài (16)

- **Long Khánh:** ghi nhận 11 ca ngụ tại Bảo Vinh (01), Bàu Trâm (01), Suối Tre (03), Xuân An (02), Xuân Bình (01), Xuân Hòa (01), Xuân Tân (01), Xuân Thanh (01)

- **Nhon Trạch:** ghi nhận 05 ca ngụ tại Hiệp Phước (02), Long Thọ (02), Phú Hữu (01)

- **Tân Phú:** ghi nhận 03 ca ngụ tại Phú Lộc (02), TT Tân Phú (01)

- **Thống Nhất:** ghi nhận 06 ca ngụ tại Bàu Hàm 2 (01), Gia Kiệm (01), Gia Tân 3 (01), Hưng Lộc (01), Quang Trung (01), Xuân Thiện (01)

- **Trảng Bom:** ghi nhận 24 ca ngụ tại An Viễn (01), Bắc Sơn (05), Bình Minh (01), Cây Gáo (02), Giang Điền (01), Hồ Nai 3 (08), Sông Thao (03), Sông Trầu (02), TT Trảng Bom (01).

- **Vĩnh Cửu:** ghi nhận 10 ca ngụ tại Tân Bình (03), Vĩnh An (04), Thạnh Phú (02), Thiện Tân (01).

Nhận xét:

-Số ca nhiễm tại cộng đồng giảm 15,2% so với hôm qua hầu hết ghi nhận tại Biên Hòa (71,4%); lũy kế trong 07 ngày ghi nhận 1.394 ca. Sau 04 ngày liên tiếp số ca mắc mới giảm thì 2 ngày gần đây đã có xu hướng tăng trở lại. Các ổ dịch mới xuất hiện rải rác, có nguồn lây đa phần liên quan đến các doanh nghiệp sản xuất và người về từ vùng có dịch.

- Trong ngày có 09/11 huyện/thành phố (trừ Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Định Quán) ghi nhận ca mắc mới và 08/11 huyện/thành phố (trừ Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Định Quán, Long Thành) ghi nhận ca mắc cộng đồng. Địa phương ghi nhận nhiều

nhất Hồ Nai (09), Long Bình (28), Tân Phong (11), Tân Hiệp (14), Trảng Dài (16) – Biên Hòa.

II. Công tác y tế

1. Cách ly, theo dõi sức khỏe:

	Trong ngày	Đang theo dõi	Kết thúc	Lũy kế
Cách ly tập trung	51	765	39.760	40.525
Cách ly tại nhà	5.180	82.844	127.930	210.774
Theo dõi sức khỏe	233	8.786	34.454	43.240

2. Điều trị

2.1. Tình hình điều trị

	Đang điều trị		Khỏi bệnh		Tử vong		Nguy kịch/Đang điều trị
	Trong ngày	Lũy kế	Trong ngày	Lũy kế	Trong ngày	Lũy kế	
Số lượng	503	13.786	416	76.378	17	945	93
Tỉ lệ		15,13%		83,83%		1,04%	0,67%

- Các ca đang điều trị: ECMO 00 ca, thở máy xâm lấn 93 ca (0,68%), lọc máu 11 ca (0,08), HFNC 79 ca (0,57%), CPAP 26 ca (0,19%), thở oxy 317 ca (2,30%), có triệu chứng trung bình 712 ca (5,17%), không triệu chứng hoặc triệu chứng nhẹ 12.524 ca (91,00%).

2.2. Mô hình điều trị tháp 3 tầng

	Công suất	Đang theo dõi	Số giường còn lại
Tầng 3	322	290	32
Tầng 2	8.136	1.418	6.718
Tầng 1	6.225	1.558	4.667

- Bệnh viện đã chiến số 04 ngừng tiếp nhận bệnh nhân

2.3. Theo dõi F0 tại nhà

STT	Địa phương	Ca mới trong ngày	Đang Theo dõi	Lũy kế	Tử vong
1	Biên Hòa	3017	37263	76602	19
2	Long Khánh	209	2123	2123	0
3	Vĩnh Cửu	408	5850	14079	12
4	Định Quán	88	1500	2501	0
5	Tân Phú	149	1,447	2,366	4
6	Trảng Bom	221	1248	2465	2

7	Thống Nhất	-	2827	4781	1
8	Xuân Lộc	207	1785	2047	1
9	Cẩm Mỹ	115	1156	1863	0
10	Long Thành	224	2589	6201	0
11	Nhơn Trạch	1200	7993	21762	0
	Tổng	5.838	65.781	136.790	39

3. Tiêm vắc xin phòng COVID-19

- Tỉnh Đồng Nai đã triển khai 25 đợt tiêm vắc xin phòng COVID-19 trên địa bàn tỉnh với tổng số vắc xin được phân bổ của Bộ Y tế là 5.106.838 liều.

- Số liệu tiêm chủng sử dụng từ nguồn báo cáo của các địa phương thay thế cho số liệu cập nhật từ hệ thống tiêm chủng MCC hiện đang bị lỗi chưa được khắc phục.

3.1. Tình hình tiêm chủng cho người từ 12 tuổi trở lên

TT	Địa phương	Người trong độ tuổi tiêm chủng (Từ 12 tuổi trở lên)						
		Dân số	Số mũi tiêm trong ngày	Số mũi tiêm Mũi 1	Số mũi tiêm Mũi 2	Tổng số liều vắc xin đã tiêm	Tỷ lệ Mũi 1	Tỷ lệ Mũi 2
1	Biên Hòa	961.996	2.935	969.850	911.971	1.881.821	100,82%	94,80%
2	Long Khánh	135.944	360	137.238	122.654	259.892	100,95%	90,22%
3	Long Thành	215.692	2.448	242.483	211.331	453.814	112,42%	97,98%
4	Nhơn Trạch	261.879	0	257.557	203.226	460.783	98,35%	77,60%
5	Thống Nhất	146.707	0	131.140	111.339	242.479	89,39%	75,89%
6	Trảng Bom	318.163	3.072	309.073	264.918	573.991	97,14%	83,26%
7	Vĩnh Cửu	137.042	0	144.016	128.283	255.003	105,09%	93,61%
8	Xuân Lộc	188.699	1.375	208.433	191.073	399.506	110,46%	101,26%
9	Cẩm Mỹ	115.087	0	106.317	100.688	207.005	92,38%	87,49%
10	Định Quán	171.083	1.751	156.878	143.185	300.063	91,70%	83,69%
11	Tân Phú	129.710	3.874	125.673	109.826	235.499	96,89%	84,67%
	Tỉnh Đồng Nai	2.782.002	15.815	2.788.658	2.498.494	5.287.152	100,24%	89,81%

*Trong ngày Nhơn Trạch cập nhật số liệu báo cáo thay thế số liệu cũ tên hệ thống MCC, Cẩm Mỹ chưa cập nhật báo cáo.

- Tỷ lệ bao phủ vắc xin COVID-19 đối tượng từ 12 tuổi trở lên:

+ Mũi 1: 100,24% ; Mũi 2: 89,81%.

- Các địa phương đạt tỉ lệ bao phủ vắc xin mũi 2 cao nhất (>90%): Xuân Lộc, Long Thành, Biên Hòa, Vĩnh Cửu, Long Khánh.
- Các địa phương tỉ lệ bao phủ vắc xin mũi 2 chưa đạt 80%: Nhơn Trạch, Thống Nhất

3.2. Tình hình tiêm chủng cho người từ 50 tuổi trở lên.

TT	Địa phương	Người từ 65 tuổi trở lên (A) Mục tiêu tháng 10 đạt từ 80% trở lên			Người từ 50 tuổi trở lên (B) Mục tiêu tháng 11 đạt từ 80% trở lên		
		Dân số (A)	Số lượng (A) tiêm đủ liều	Tỷ lệ %	Dân số (B)	Số lượng (B) tiêm đủ liều	Tỷ lệ %
1	Biên Hòa	63.535	63.259	99,57%	198.192	196.674	99,23%
2	Long Khánh	13.089	13.051	99,71%	37.675	36.408	96,64%
3	Long Thành	23.449	22.819	97,31%	59.238	57.498	97,06%
4	Nhơn Trạch	15.226	14.531	95,44%	48.894	47.049	96,23%
5	Thống Nhất	13.037	11.654	89,39%	37.414	32.370	86,52%
6	Trảng Bom	19.115	19.010	99,45%	92.978	90.138	96,95%
7	Vĩnh Cửu	9.484	8.857	93,39%	32.466	29.920	92,16%
8	Xuân Lộc	19.734	18.427	93,38%	57.427	57.427	100,00%
9	Cẩm Mỹ	10.044	9.794	97,51%	34.375	33.929	98,70%
10	Định Quán	13.719	13.157	95,90%	34.790	33.971	97,65%
11	Tân Phú	11.970	11.535	96,37%	23.040	22.289	96,74%
	Tổng	212.402	206.094	97,03%	656.489	637.673	97,13%

Lưu ý: Số liệu tiêm vắc xin cho người trên 50 tuổi dựa trên báo cáo thực tế của các địa phương.

- Tỉ lệ tiêm đủ liều cho người từ 65 tuổi trở lên đạt 97,03%.
- Tỉ lệ tiêm đủ liều cho người từ 50 tuổi trở lên đạt 97,13%.

3.3. Tình hình tiêm chủng cho trẻ từ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi.

TT	Địa phương	Dân số	Số điểm tiêm	Số mũi tiêm (Mũi 1)	Tỷ lệ %	Số mũi tiêm (Mũi 2)	Tỷ lệ %	Phản ứng nhẹ	Phản ứng nặng
1	Biên Hòa	93.343	82	84.640	90,68%	26.866	28,78%	2	1
2	Long Khánh	14.141	8	14.141	100,00%	5.078	35,91%	6	0
3	Long Thành	24.626	21	24.060	97,70%	6.278	25,49%	1	0
4	Nhơn Trạch	23.393	12	15.052	63,78%	4.669	9,61%	0	0
5	Thống Nhất	16.405	13	14.673	89,44%	4.371	26,64%	0	0
6	Trảng Bom	34.961	95	31.816	91,00%	11.465	32,79%	0	0
7	Vĩnh Cửu	15.893	30	12.865	80,95%	4.028	25,34%	2	0
8	Xuân Lộc	22.654	15	20.757	91,63%	10.636	46,95%		
9	Cẩm Mỹ	12.810	24	11.042	86,20%	4.062	31,71%	1	
10	Định Quán	20.291	2	19.745	97,31%	6.742	33,23%	0	0
11	Tân Phú	17.908	24	15.689	87,61%	5.475	30,57%	5	0

	Tổng	296.425	326	264.480	89,22%	89.670	30,25%	17	1
--	-------------	----------------	------------	----------------	---------------	---------------	---------------	-----------	----------

- Tỷ lệ bao phủ vắc xin cho trẻ từ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi

+ Mũi 1: 89,22%; Mũi 2: 30,25%

4. Công tác xét nghiệm:

	Trong ngày		Lũy kế	
	Thực hiện	Dương tính	Thực hiện	Dương tính
Test nhanh	3.342	1.845	1.530.327	29.842
RT-PCR mẫu đơn	3.113	1.168	2.004.627	238.158
RT-PCR mẫu gộp	524	167	352.903	29.094
Lượt người thực hiện PCR	4.804	1.168	3.749.427	238.158

- Số mẫu test nhanh dương tính chờ kết quả RT-PCR: 45 mẫu tại Trảng Bom

- Số mẫu nghi ngờ, gộp dương: 167 mẫu.

5. Hoạt động Trạm Y tế lưu động, Tổ COVID cộng đồng:

- Triển khai Kế hoạch số 13691/KH-UBND ngày 05/11/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Thiết lập Trạm Y tế lưu động trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Số Trạm Y tế lưu động đã triển khai: 234 TYT lưu động tại 11/11 huyện, thành phố. Trong đó:

+ 209 TYT lưu động tại địa phương: Biên Hòa (64), Trảng Bom (17), Nhơn Trạch (12), Long Thành (15), Cẩm Mỹ (14), Thống Nhất (10), Tân Phú (18), Long Khánh (15), Xuân Lộc (15), Vĩnh Cửu (12), Định Quán (14).

+ 25 TYT lưu động tại khu công nghiệp: Biên Hòa (04), Nhơn Trạch (08), Long Khánh (01), Xuân Lộc (01), Tân Phú (01), Thống Nhất (01), Định Quán (01), Long Thành (03), Vĩnh Cửu (01), Trảng Bom (04).

- Số Tổ COVID cộng đồng đã triển khai: 10.534 tổ.

6. Nhận định tình hình dịch bệnh và Kiến nghị

a) Nhận định tình hình dịch bệnh

-Số ca nhiễm tại cộng đồng giảm 15,2% so với hôm qua hầu hết ghi nhận tại Biên Hòa (71,4%); lũy kế trong 07 ngày ghi nhận 1.394 ca. Sau 04 ngày liên tiếp số ca mắc mới giảm thì 2 ngày gần đây đã có xu hướng tăng trở lại. Các ổ dịch mới xuất hiện rải rác, có nguồn lây đa phần liên quan đến các doanh nghiệp sản xuất và người về từ vùng có dịch.

- Trong ngày có 09/11 huyện/thành phố (trừ Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Định Quán) ghi nhận ca mắc mới và 08/11 huyện/thành phố (trừ Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Định Quán, Long Thành) ghi nhận ca mắc cộng đồng. Địa phương ghi nhận

nhiều nhất Hồ Nai (09), Long Bình (28), Tân Phong (11), Tân Hiệp (14), Trảng Dài (16) – Biên Hòa.

- Tỷ lệ bao phủ vắc xin COVID-19 đối tượng từ 12 tuổi trở lên:

+ Mũi 1: 100,24% ; Mũi 2: 89,81%.

- Các địa phương đạt tỷ lệ bao phủ vắc xin mũi 2 cao nhất (>90%): Xuân Lộc, Long Thành, Biên Hòa, Vĩnh Cửu, Long Khánh.

- Các địa phương tỷ lệ bao phủ vắc xin mũi 2 chưa đạt 80%: Nhơn Trạch, Thống Nhất

- Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 65 tuổi trở lên đạt 97,03%.

- Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 50 tuổi trở lên đạt 97,13%.

- Tỷ lệ bao phủ vắc xin cho trẻ từ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi

+ Mũi 1: 89,22%; Mũi 2: 30,25%

- Cập nhật đánh giá phân loại cấp độ dịch mới trên địa bàn tỉnh đến ngày 02/12/2021: tỉnh Đồng Nai ở mức nguy cơ cấp độ 2, tất cả 11/11 huyện/thành phố đều ở cấp độ 2.

b) Kiến nghị

- Các địa phương định kỳ đánh giá cấp độ dịch hàng tuần theo hướng dẫn tại Quyết định số 4800/QĐ-BYT ngày 12/10/2021 của Bộ Y tế.

- Các địa phương thực hiện thống nhất, đồng bộ công văn số 13832/UBND-KGVX ngày 10/11/2021 về việc hướng dẫn tạm thời quy trình xử lý người nhiễm Covid-19 (F0) tại cộng đồng trên địa bàn tỉnh và số 13650/UBND-KGVX ngày 04/11/2021 của UBND tỉnh về việc triển khai quản lý người nhiễm Covid-19 (F0) tại nhà trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện Chỉ thị số 20/CT-UBND ngày 23/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thực hiện các biện pháp tạm thời "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19" trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và Kế hoạch số 13039/KH-UBND ngày 22/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về Thực hiện Quy định tạm thời "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19" trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Các sở, ngành, địa phương tăng cường triển khai thực hiện Kế hoạch số 11805/KH-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2021 về việc Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác phòng, chống dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy nhanh tiến độ tiêm chủng nhằm sớm nhất đạt mục tiêu 100% người dân toàn tỉnh được tiêm đủ liều vắc xin phòng COVID-19.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc lây nhiễm chéo tại các khu cách ly tập trung, bệnh viện.

- Tăng cường kiểm soát nguồn lây nhiễm tại các điểm nguy cơ cao như: chợ dân sinh, siêu thị, cơ sở sản xuất, khu công nghiệp, khu nhà trọ.

III. Công tác an sinh xã hội (Cập nhật ngày 08/12)

Tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg trong ngày

	Trong ngày	Lũy kế
Đã phê duyệt		
1. Đơn vị sử dụng lao động	0 đơn vị	9.500 đơn vị
2. Người lao động	7.581 người	1.286.660 người
3. Hộ kinh doanh	367 hộ	16.732 hộ
Đã chi trả		
1. Đơn vị sử dụng lao động	0 đơn vị	9.500 đơn vị
2. Người lao động	49.220 người	1.262.451 người
3. Hộ kinh doanh	309 hộ	16.095 hộ

TT	Địa phương	Lũy kế số người đã chi/số phê duyệt (người)	Lũy kế số tiền đã chi/số phê duyệt (tỷ đồng)	Tỷ lệ
1	TP. Biên Hòa	481.222/489.635	807,97/876,04	98,28
2	Cẩm Mỹ	23.808/23.808	35,88/35,88	100
3	Định Quán	38.502/40.212	59,02/61,58	95,75
4	TP. Long Khánh	57.004/57.004	90,14/90,14	100
5	Long Thành	75.448/76.259	122,04/123,27	98,94
6	Nhơn Trạch	124.558/136.156	203,82/231,74	91,48
7	Tân Phú	45.256/45.830	75,47/76,34	98,75
8	Trảng Bom	180.941/181.023	300,55/300,89	99,95
9	Thống Nhất	36.547/36.547	54,94/54,94	100
10	Xuân Lộc	86.099/86.326	122,40/123,33	99,74
11	Vĩnh Cửu	82.043/82.047	237,66/237,67	99,99
	Tổng cộng	1.231.428/1.254.847	2.109,91/2.211,81	98,13

Lưu ý: bao gồm người lao động tự do, lao động tạm hoãn HĐLĐ, ngừng việc trong doanh nghiệp và Hộ kinh doanh.

Trên đây là báo cáo ngày công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- TU, UBND Tỉnh;
- BCĐ tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Website SYT;
- Lưu VT, NV.

**KT. CHỈ HUY TRƯỞNG
PHÓ CHỈ HUY TRƯỞNG**

**GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ
Phan Huy Anh Vũ**

Phụ lục 1 : Đánh giá mức độ nguy cơ theo Quyết định số 4800/QĐ-BYT

(Cập nhật đến ngày 02/12/2021 tại Báo cáo số 866/BC-KSBT của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai)

	Huyện, thành phố	Xã, phường
Cấp 1 (Bình thường mới)	00	28 (giảm 16)
Cấp 2 (Nguy cơ trung bình)	11	66 (giảm 6)
Cấp 3 (Nguy cơ cao)	00	76 (tăng 22)
Cấp 4 (Nguy cơ rất cao)	00	00
Tỉnh Đồng Nai: Cấp 2 <i>(Số ca mắc mới trong cộng đồng trong tuần đạt 138 ca/100.000 dân, tỉ lệ người từ 50 tuổi trở lên tiêm đủ liều vắc xin đạt trên 80%) 170/170 xã, phường đã thiết lập Trạm Y tế lưu động, 26/31 KCN có Trạm Y tế lưu động</i>		

Phụ lục 2: Tình hình điều trị COVID-19

TT	Cơ sở	Giường kế hoạch COVID	Giường thực kê COVID (con số chính xác)	Số CA + mới trong ngày (24h)	Xuất viện trong ngày (24h)	Chuyển viện trong ngày	Số ca đang điều trị	Cộng đồng			Số ca đang điều trị, trong đó					Phụ nữ có thai	BN < 16 tuổi	>= 65 tuổi	Người có bệnh lý nền và nguy cơ khác	Khả năng còn tiếp nhận	
								Chuyển viện	Tử vong	Xuất viện	HFNC	Thở máy		Thở oxy	Biểu hiện lâm sàng trung bình						Nhẹ và Không triệu chứng
												Không xâm lần (CPAP)	Xâm lần								
1	BVĐN/ HSTC	40	50	40	0	3	45		270		4	3	34	7						38	
2	BVTN/TTHSTC	200	70	10	4	0	99	310	475	218	12	15	35	31	16	0	0	0	43	56	0
3	BVĐKKVLK/HSTC	100	40	5	0	0	29	94	59	93	7	1	7	11	3	0		0	10	15	14
4	BVĐKKVLT	100	100	6	0	1	48	91	104	55	20	3	13	13	0	0	0	0	27	33	52
5	BV Nhi ĐN	20	10	0	0	0	8	0	3	0	1	2	2	3	0	0	0	8	0	0	0

6	BV Định Quán	60	30	0	1	1	28	2	5	3	3	0	1	8	0	17	0	1	4	16	2
7	BV Đồng Nai 2	10	22	0	0	0	22	139	8	939	11	0	0	11	22	0	0	0	13	0	0
Tổng cộng (tầng 3)		530	322	61	5	5	279	636	924	1308	58	24	92	84	41	17	0	9	97	158	68
1	Bệnh viện dã chiến số 1	350	235	21	15	0	231	35	2	2315	3	0	0	8	36	184	15	35	34	34	3
2	Bệnh viện dã chiến số 2	350	370	16	0	0	170	120	0	2481	0	0	0	17	85	170	9	75	98	102	50
3	Bệnh viện dã chiến số 3	550	500	0	2	0	26	88	0	3874	0	0	0	6	18	8	2	2	14	17	0
4	Bệnh viện dã chiến số 4																				
5	Bệnh viện dã chiến số 5	300	316	4	14	0	35	55	0	1831	0	0	0	9	10	25	1	1	9	23	15
6	Bệnh viện dã chiến số 6	1200	1090	1	6	1	30	139	0	7090	0	0	0	2	1	27	0	1	5	4	980
7	Bệnh viện dã chiến số 7	730	700	0	0	0	0	191	1	1733	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	700
8	Bệnh viện dã chiến số 8	650	600	0	27	0	38	73	0	3519	0	0	0	7	29	9	3	3	5	31	562
9	Bệnh viện dã chiến số 9	1000	662	7	25	2	138	41	1	3820	0	0	0	4	4	134	6	24	11	25	524
10	Bệnh viện dã chiến số 10	850	807	16	18	1	130	148	0	5145	0	0	0	28	32	72	5	7	39	56	677
11	Bệnh viện dã chiến số 11	3000	2590	0	0	0	10	13	0	1049	0	0	0	1	4	6	0	0	3	6	
12	Bệnh viện Da liễu																				
13	Bệnh viện Nhi đồng	110	60	13	31	0	227	344	0	1314	0	0	0	0	97	130	0	120	1	1	0
14	Bệnh viện ĐKKV Long Thành	150	150	7	11	0	60	0	0	430	0	0	0	38	20	2	0	1	32	35	90
15	Bệnh viện ĐKKV Định Quán																				
16	Bệnh viện Phổi	60	11	0	0	0	0		5		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
17	Bệnh viện Đồng Nai 2	80	101	8	12	0	89	139	0	939	11	0	0	11	22	67	0	0	31	40	0
18	Bệnh viện ĐH Y Dược Shing Mark	100	80	6	4		72	315	3	554	5	2	1	8	14	42	0		1	20	8
19	Trung tâm Y tế Vĩnh Cửu	20	65	5	10	1	42	37	8	427	2	0	0	15	19	8	0	0	12	22	23
20	Bệnh viện Tâm thần TW 2	400	200	4	3		70								20	50					
Tổng cộng (tầng 2)		9900	8537	108	178	5	1368	1738	20	36521	21	2	1	154	411	934	41	269	295	416	3632
1	Biên Hòa	1980	1606	44	3	8	232	1259	14	18301	0	0	0	33	48	184	1	9	20	20	960
2	Long Khánh	400	310	17	0	0	103	73	0	564	0	0	0	0	0	103	0	4	0	0	
3	Vĩnh Cửu	470	470	1	22	0	109	1523	3	8971	0	0	0	0	0	109	1	2	0	0	331
4	Định Quán	100	89	6	0	0	88	95	0	315	0	0	0	0	0	88	2	5	16	31	11
5	Tân Phú	60	60	1	0	0	53	192	1	147	0	0	0	10	10	43	2	1	40	12	0

6	Trảng Bom	1428	1398	50	5	2	108	1649	2	4879	0	0	0	0	16	84	2	7	6	10	1126
7	Thống Nhất	98	98	4	0	0	12	0	0	0	0	0	0	0	0	12	0	0	0	1	86
8	Xuân Lộc																				
9	Cẩm Mỹ	500	200	3	0	0	65	21	1	459	0	0	0	6	7	52	7	5	11	23	135
10	Long Thành	500	500	23	29	0	120	76	0	2280	0	0	0	0	0	120	5	15	6	104	380
11	Nhơn Trạch	4230	1500	33	82	5	707	0	16	9090	0	0	0	30	195	482	5	32	37	638	793
TỔNG CỘNG (Tầng 1)		9766	6231	182	141	15	1597	4888	37	45006	0	0	0	79	276	1277	25	80	136	839	4634
TỔNG TẦNG (3+2+1)		20196	15090	351	324	25	3244	7262	981	82835	79	26	93	317	728	2228	66	358	528	1413	8334